

ĐỀ CƯƠNG PHÂN GIÁO LÝ TỰ LUẬN
HỘI THI GIÁO LÝ PHẬT TỬ TỈNH LONG AN – 2024



TAM QUY – NGŨ GIỚI

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT

- Tam Quy:** Gọi đủ là quy y Tam Bảo - Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng.
- Ngũ Giới:** Năm điều giới cấm Phật chế định cho người Phật tử tại gia.

II. NỘI DUNG

A. QUY Y TAM BẢO

1. Định nghĩa

Quy là trở về, Y là nương tựa, Tam là ba, Bảo là quý báu. Vậy Quy y Tam Bảo là trở về nương tựa ba ngôi quý báu, Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

a. Phật bảo: Chỉ những bậc tu hành giác ngộ trên ba phương diện tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Phật A Di Đà, Đức Phật Dược Sư v.v... Đức Phật được gọi là Bảo bởi vì Chư Phật có công năng giúp chúng sanh thoát khỏi luân hồi, sanh tử khổ đau.

b. Pháp bảo: Là những lời dạy quý báu của Đức Phật được ghi lại trong Tam tạng kinh điển, là con đường hướng đến giải thoát giác ngộ. Nếu ai thực hành lời dạy và đi trên con đường mà Phật đã chỉ thì chắc chắn sẽ được an lạc và hạnh phúc.

c. Tăng bảo: Là những vị xuất gia và thực hành theo giáo pháp của Đức Phật, sống đời sống phạm hạnh thanh tịnh và hòa hợp. Là những vị thay Phật để hướng dẫn chúng sanh làm lành tránh dữ, tu tập để hướng đến Niết Bàn an vui.

Chính vì những giá trị và lợi ích vô cùng cao quý và hiếm có ở thế gian nên được gọi là Bảo

2. Lợi ích của việc Quy y Tam Bảo

Tất cả chúng ta có mặt trong đời này đều bị vô minh chi phối. Sinh ra và lớn lên chúng ta mãi lênh đênh, lặn hụp trong biển đời sanh tử khổ đau không lối thoát. May nhờ ánh đèn trí tuệ giác ngộ của Đức Phật xuất hiện và chiếu soi nên chúng ta có chỗ để nương tựa, để vững bước trên cuộc đời. Lại nhờ những lời

dạy của Phật mà chúng ta biết đi theo đường chánh, xa lánh đường tà, thoát khỏi khổ đau trong kiếp sống. Càng may mắn hơn khi gặp được Thầy hiền bạn tốt dắt dẫn, chỉ dạy tỏ tường nên chắc chắn không bị sa lạc và hồ hiểm hang sâu, một đường tiến thẳng đến bến bờ giải thoát an vui. Bởi vì

- Quy y Phật không đọa vào địa ngục
- Quy y Pháp không đọa vào ngạ quỷ
- Quy y Tăng không đọa vào bàng sanh

3. Sự và lý Quy y Tam Bảo

Tuy Phật, Pháp và Tăng là nơi nương tựa tâm linh vững chắc cho mỗi chúng ta trên bước đường tu tập. Tuy nhiên Phật dạy sự nương tựa đó chỉ là nấc thang đầu tiên và căn bản bên ngoài cho chúng ta nương tựa mà thôi. Nhưng trong mỗi chúng ta đều đầy đủ 3 đức tánh sáng suốt (Phật), đức tánh từ bi, nhẫn nhục (pháp), và thanh tịnh, hòa hợp (Tăng). Thế nên chúng ta Quy y Tam Bảo bên ngoài (sự quy y), để tu tập, dần dần làm cho Tam Bảo bên trong chúng ta hiển hiện một cách đầy đủ, thì đó mới chính là ý nghĩa đích thực và tuyệt đối của Quy y Tam Bảo

B. NGŨ GIỚI

1. Định nghĩa

Ngũ giới là năm giới cấm mà Đức Phật chế định cho người Phật tử tại gia sau khi đã Quy y Tam Bảo. Đây còn gọi là năm nguyên tắc đạo đức căn bản. Thực hành trọn vẹn năm nguyên tắc này sẽ được an lạc trong hiện tại, tiến tới Nhân thừa trong kiếp vị lai.

2. Ý nghĩa và lợi ích của việc thực hành năm giới

- Không sát sanh là không giết hại mạng chúng sanh từ nhỏ nhít cho đến loài người. Không sát sanh là tôn trọng sự sống, thể hiện tinh thần bình đẳng, nuôi dưỡng lòng từ bi, tránh quả báo chết yểu, ốm đau.

- Không trộm cướp dù ngọn cỏ lá cây, người ta không cho thì không được lấy. Là tôn trọng tài sản của người khác, tránh hiện đời bị tù tội và quả báo đời sau bị nghèo khổ.

- Không tà hạnh là tôn trọng hạnh phúc gia đình của người khác, đồng thời cũng để bảo vệ hạnh phúc của gia đình mình.

- Không nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác để tăng trưởng lòng tin với những người xung quanh, tạo thiện cảm và tình thương với mọi người bởi không nói những lời chia rẽ, độc ác.

- Không uống rượu và sử dụng những chất kích thích, giúp tâm trí luôn tỉnh táo, phân định được đúng sai mà không làm những điều xằng bậy, độc ác, gây khổ đau cho mình và người.

C. LỢI ÍCH CỦA VIỆC THỌ TAM QUY VÀ TRÌ NGŨ GIỚI

- Nền tảng căn bản của một người mới bước vào con đường tu tập, hoàn thiện bản thân đó chính là Quy y Tam Bảo và thọ trì năm giới. Có nơi nương tựa tâm linh vững chắc, chúng ta sẽ không còn sợ hãi bởi những thầy tà bạn ác dẫn dắt ta đi vào con đường khổ đau tăm tối.

- Hiểu được lý Quy y là chúng ta có niềm tin vào chính mình có khả năng giác ngộ giải thoát để làm động lực càng tinh tấn hơn và tiến xa hơn.

- Năm giới cấm mà Phật chế định xuất phát từ lòng bi mẫn của Ngài đối với chúng sanh. Vì thế giữ gìn vẹn toàn năm giới đó chính là chúng ta đang hoàn thiện mình mỗi ngày. Tạo niềm tin và sự kính nể của mọi người, gạt hái được hạnh phúc và an vui trong hiện tại và giải thoát trong tương lai.

III. KẾT LUẬN

Người Phật tử sau khi đã Quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới, đã gạt hái được nhiều lợi ích và an vui trong cuộc sống. Thế thì lợi ích này không những đối với bản thân mà gia đình và xã hội cũng được lợi ích vô cùng. Một xã hội mà ai cũng hiểu và thực hành như thế thì chắc chắn xã hội ấy sẽ hạnh phúc và an vui. Vì vậy là người Phật tử cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa và tinh tấn hơn nữa trong việc tu tập và khuyến hóa người thân, xung quanh Quy y Tam Bảo để Phật hóa gia đình và xã hội biến cuộc đời thành Tịnh Độ trần gian.



NHÂN QUẢ

I. DẪN NHẬP

Luật Nhân quả là một quy luật tự nhiên có sẵn trong trời đất. Từ thời Ấn Độ cổ đại, các Tôn giáo khác cũng đã đề cập đến nhưng chưa được rõ ràng và khúc chiết. Đến khi Đức Phật xuất hiện, Ngài đã giảng dạy giáo lý này một cách đầy đủ và trọn vẹn hơn giúp con người hiểu rõ và biết phương hướng để tu tập, chuyển hóa nghiệp lực của chính mình.

II. CHÁNH ĐỀ

1. Định nghĩa

Nhân là nguyên nhân, quả là kết quả. Hạt là nhân, trái là quả. Nói đầy đủ hơn là nhân-duyên-quả. Vì từ nhân đến quả sẽ có sự góp mặt của duyên.

2. Đặc tính của nhân quả

2.1. Một nhân không thể ra quả

Đó chính là quy luật tự nhiên, nếu chỉ có nhân thôi thì không thể thành quả nếu không có những yếu tố khác, yếu tố đó chính là duyên. Đây cũng chính là lý do mà chúng ta phải tu tập để chuyển hóa những nhân xấu ác đã gieo, bằng cách thêm duyên tu tập và làm phước để chuyển nhân xấu ấy thành quả tốt.

2.2. Trong nhân có quả, trong quả có nhân

Những kết quả mà chúng ta đang lãnh thọ đời này có hình bóng của nhân tổng đời trước. Và những hành động (nhân) chúng ta gieo đời này đã có hình bóng của quả tổng tương lai. Thế nên một câu nói bất hủ về luật nhân quả: “Muốn biết nhân đời trước hãy xem quả hiện tại, muốn biết quả vị lai hãy nhìn nhân hiện tại.”

2.3. Tiến trình nhân quả

Từ nhân đi đến quả có sự khác biệt nhanh hoặc chậm tùy theo tính chất của nhân đó. Cũng giống như ta gieo hạt trồng cây thì có cây nhanh ra quả, có cây lâu ra quả. Cũng vậy nhân quả theo Đức Phật dạy tiến trình của nó nếu gần thì 3 đời, nói xa thì nhiều đời nhiều kiếp. Không phải lúc nào cũng có nhân quả ngay trong hiện tiền. Vì thế chúng ta cứ nỗ lực tu tập, tu bồi phước đức, nhân thiện nhiều thì quả xấu sẽ dần được chuyển hóa.

3. Lợi ích của việc tin và hiểu về nhân quả

- Hiểu rõ về nhân quả, chúng ta không rơi vào mê tín dị đoan, không tin vào một đấng tối cao nào có quyền ban phước giáng họa. Mà nhân nào chúng ta

đã tạo thì bản thân chúng ta sẽ lãnh quả. Nhân thiện thì quả báo lành, nhân ác thì quả báo xấu. Không oán than người khác mà cũng không hy vọng vào người nào ngoài chính bản thân mình.

- Hiểu rõ từ nhân đến quả có sự tác động của duyên nên chúng ta nỗ lực tu tập, tạo duyên thiện lành để tác động đến những nhân xấu mà đã lỡ gây tạo, để kết quả sẽ tốt đẹp hơn.

- Hiểu nhân quả để cảm thấy mạnh dạn và tự tin vào chính mình hơn. Cứ nỗ lực làm thiện thì chắc chắn sẽ có kết quả thiện, chỉ khác biệt là quả đó đến chậm hay nhanh mà thôi. Có niềm tin đó dù khó khăn trong lúc làm thiện chúng ta cũng không chán nản chùn bước.

III. KẾT LUẬN

Để áp dụng luật nhân quả một cách có hiệu quả vào trong đời sống hàng ngày và tu tập, người Phật tử nên học thuộc câu “phàm làm việc gì phải nghĩ đến hậu quả của nó”. Đó là câu châm ngôn rất thiết thực mà có lợi ích không nhỏ tác động đến mọi hành vi cử chỉ của mình để tránh xa điều ác, nỗ lực làm thiện để ngăn chặn và chuyển hóa những nghiệp nhân của mình.

BAN HOẰNG PHÁP TỈNH LONG AN - 2024



NGHIỆP BÁO

A. DẪN NHẬP

Nghiệp báo nói cho đủ là nhân quả nghiệp báo. Đó là nguyên lý có sẵn muôn đời của vũ trụ. Nhưng với Tuệ giác của Đức Phật, Ngài đã thấy biết một cách tường tận nguyên nhân và cách diệt tận nên đã thuyết giảng cho hàng đệ tử Ngài hiểu rõ để thực hành.

B. CHÁNH ĐỀ

I. ĐỊNH NGHĨA

Nghiệp là hành vi tạo tác có chủ ý được lập đi lập lại trên 3 phương diện thân, khẩu và ý (nhân). Báo là quả báo hay báo ứng của những hành vi đã tạo tác đó (quả)

II. PHÂN LOẠI NGHIỆP

Theo hệ thống giáo lý Đạo Phật, nghiệp báo là một giáo lý quan trọng và cần thiết, tác động rất lớn đến đời sống của chúng sanh. Vì thế khi phân tích về nghiệp, nếu phân tích rộng và chi tiết thì rất nhiều. Nhưng trong phạm vi bài học viết này chúng ta chỉ tìm hiểu một số loại nghiệp quan trọng như sau:

- 1. Thiện nghiệp:** là những hành động tạo tác đem lại lợi ích cho mình, cho người trong hiện tại cũng như tương lai.
- 2. Ác nghiệp:** là những hành động tạo tác đem lại khổ đau cho mình, cho người trong hiện tại cũng như tương lai.
- 3. Tập quán nghiệp:** là những nghiệp tạo tác trong hiện tại do tập quán kết thành.
- 4. Tích lũy nghiệp:** là những nghiệp tạo tác trong nhiều đời chất chứa lại.
- 5. Cự trọng nghiệp:** là những nghiệp quan trọng có năng lực tác động mãnh liệt hơn các nghiệp khác.
- 6. Cận tử nghiệp:** Là nghiệp lực của những người trước khi chết, nghiệp lực này chi phối rất nhiều ở đời sau.
- 7. Định nghiệp:** Là nghiệp cố định không thay đổi được. Nhân thế nào thì quả thế đó
- 8. Bất định nghiệp:** Nghiệp có thể thay đổi và chuyển được từ nặng sang nhẹ hoặc ngược lại, tùy theo hành động tạo tác của mình tác động đến nghiệp nhân mà mình đã tạo thì nghiệp quả sẽ thay đổi.

III. SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA NGHIỆP TRONG ĐỜI SỐNG

Nghiệp theo ta như một di sản, di truyền

Ta là chủ nhân của nghiệp, là thai tạng, là quyền thuộc

Dù theo Tôn giáo nào, tin hay không thì nghiệp vẫn là người bạn rất thân thiết luôn đồng hành với chúng ta trên mọi nẻo đường, và dẫn chúng ta đi tái sanh sau khi thân hoại mạng chung.

Sau khi đã tạo nghiệp nhân, chúng ta sẽ gặt hái được những quả tương ứng, quả đó nói cho đủ là quả báo, là báo ứng. Quả báo này được chia ra làm 3 loại: Hiện báo, sanh báo và hậu báo.

- Hiện báo: Là quả báo hiện tại, tạo nghiệp nhân đời này thì ngay đời này sẽ nhận quả.

- Sanh báo: Đời này làm, nhiều đời về sau mới thọ báo.

- Hậu báo Là đời này làm thiện hoặc ác, đời kiếp kế sau sẽ có quả báo.

C. KẾT LUẬN

Hiểu rõ về nghiệp báo một cách tường tận, chúng ta phải biết sợ hãi khi quả báo đến. nỗ lực ngăn chặn điều ác, phát huy điều thiện để chuyển hóa nghiệp nhân đã tạo, tránh quả báo đọa lạc trong 3 đường ác.



LUÂN HỒI

I. DẪN NHẬP

Vấn đề sống chết là đề tài muôn thuở mà nhân loại quan tâm. Rất nhiều học thuyết và chủ trương để giải thích và phân tích vấn đề này, nhưng tất cả đều không thuyết phục. Vậy Đạo Phật quan niệm thế nào về Luân hồi? Chúng ta sẽ cùng nhau phân tích và tìm hiểu.

II. CHÁNH ĐỀ

1. Định nghĩa:

Luân hồi, tiếng Phạn là Samsàra. Luân là bánh xe, hồi là xoay tròn. Hình ảnh bánh xe quay tròn tượng trưng cho sự xoay chuyển, lên xuống, của mỗi chúng sanh trong sáu cõi (lục đạo), luân luân tiếp nối tử sinh, sinh tử không ngừng.

2. Sáu nẻo luân hồi trong lục đạo

- Theo giáo lý Đức Phật đã dạy về luân hồi. Đây là những cảnh giới mà một chúng sanh có thể sanh vào tùy theo nghiệp nhân mà mình tạo trong quá khứ và hiện tại.

2.1. Địa ngục : Tạo nhân sân hận, độc ác làm nhiều điều tội lỗi

2.2. Ngạ quỷ: Nhân tạo tham lam, bòn sẻn, không biết bố thí. Ngược lại, còn mưu sâu, kế độc, để cướp đoạt của người.

2.3. Súc sanh: Tạo nhân si mê sa đọa theo thất tình, lục dục, tửu sắc,

2.4. A Tu La: gặp việc nhân nghĩa thì làm, gặp việc sai quấy cũng không tránh, vừa cang trực, mà cũng vừa độc ác. Luân hồi làm A Tu La, gặp vui sướng cũng có, mà buồn khổ cũng nhiều.

2.5. Loài người: Tu tập và giữ gìn năm giới

2.6. Cõi trời: Tu tập Thập thiện (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời hung ác, không tham, không sân và không si)

3. Nguyên nhân dẫn chúng sanh luân hồi trong lục đạo

- Nguyên nhân chính dẫn chúng sanh đi luân hồi là 12 chi phần duyên sinh, duyên khởi. Trong đó chi phần tham ái là chủ yếu. Từ tham ái và chấp ngã, chúng sanh tạo nghiệp trên ba phương diện thân, khẩu và ý.

- Nếu thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh, tạo các nghiệp thiện thì nghiệp đó dẫn chúng ta sanh lại làm người hoặc sanh lên cõi trời. Nếu tạo nghiệp ác thì nghiệp đó sẽ bị đọa lạc vào các cõi ác khác.

4. Lợi ích của giáo lý Luân hồi

- Giúp chúng ta hiểu rõ về nguyên nhân dẫn con người luân hồi trong 6 nẻo

- Giải nghi được hai chủ thuyết chấp thường và chấp đoạn của ngoại đạo. Đức Phật dạy sau khi chết con người cũng không mất đi mà cũng không tồn tại mãi. Kiếp sống con người sẽ chuyển sinh từ cõi này đến cõi khác tùy theo nghiệp lực mình đã tạo trong hiện tại.

- Hiểu Luân hồi để chúng ta tự chịu trách nhiệm về những hành vi, tạo tác của mình. Nghiệp chính mình làm thì tự mình phải chịu, không ai chịu thay, và cũng không ai có đủ năng lực ban phước giáng họa cho mình.

III. KẾT LUẬN:

Giáo lý luân hồi là một giáo lý không phải thuần túy Tôn giáo mà rất khoa học. Trên thế giới đã có nhiều câu chuyện về luân hồi, nhớ lại kiếp quá khứ mình ở đâu và làm gì mang tính thuyết phục rất cao. Vì thế không ngần ngại gì nữa mà chúng ta không nỗ lực tu tập để chuyển hóa nghiệp lực xấu ác bất thiện trong quá khứ trở thành nghiệp thiện, tu tập theo lời Phật dạy để làm hành trang, tư lương để hiện tại được an lạc, tương lai sanh về cảnh giới an lành.

BAN HOẰNG PHÁP TỈNH LONG AN - 2024



TAM VÔ LẬU HỌC

A. DẪN NHẬP

Giáo pháp được đức Thế Tôn phương tiện giảng dạy rất nhiều nhưng tất cả không ngoài Tam vô lậu học.

B. CHÁNH ĐỀ

1. Định nghĩa

Tam vô lậu học là ba môn học vô lậu tức Giới - Định - Tuệ. Ba môn học này giúp hành giả đoạn trừ sạch phiền ão nhiễm ô và không còn rơi rớt trong 3 cõi nên gọi là “vô lậu”

2. Nội dung Tam Vô Lậu học

- Giới: Là phòng phi chỉ ác nghĩa đề phòng điều trái, đình chỉ điều ác, hay còn điều phục, chế ngự. Hay còn gọi chỉ ác tác thiện, là dừng điều ác, làm điều thiện. Giới còn là Ba la đề mộc xoa (nghĩa là biệt biệt giải thoát).

- Định: Là tam muội, nghĩa là tâm nhất cảnh tánh: tâm tập trung trên một đối tượng (cảnh). Khi thiền nhập vào định, tất cả vọng tưởng, tạp niệm làm cho tâm tán loạn bị loại trừ chỉ còn lại chánh niệm. Định còn có thể gọi là chỉ, nghĩa là dừng hết mọi suy nghĩ, vọng tưởng.

- Tuệ : trí tuệ, Bát nhã, nghĩa là khả năng hiểu biết, nhận thức đúng với bản chất của các pháp là duyên sanh, nhìn các pháp như thật, là chính nó, không bóp méo, không xuyên tạc.

3. Tầm Quan Trọng Của Giới Định Tuệ

- Sự nghiệp duy nhất và lớn nhất của đệ tử Phật là đạt được trí tuệ. Thiếu trí tuệ chúng ta không phân định được đúng, sai; chánh, tà. Không nhận chân rõ được bản chất của cuộc đời.

- Muốn phát triển trí tuệ thì hành giả phải nghiêm trì giới luật để tâm định tĩnh thì trí tuệ mới phát sanh.

- Trong quá trình tu tập, ba chi phần này phải được phát triển để hỗ trợ lẫn nhau. Trong Giới luôn có Định và Tuệ; trong Tuệ luôn có Định và Giới...

- Tất cả các pháp môn tu trong hệ thống giáo lý Phật giáo đều được đặt trên nền tảng căn bản Giới- Định- Tuệ.

C. KẾT LUẬN

Ba môn học vô lậu Giới- Định- Tuệ là pháp tu cốt lõi của Đạo Phật. Muốn thành tựu đạo nghiệp giải thoát Niết Bàn thì hành giả không thể thiếu pháp tu căn bản này.



TỨ DIỆU ĐẾ

I. DẪN NHẬP

Ngay sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài đến vườn Lộc Uyển thuyết pháp cho năm anh em ông Kiều Trần Như, là những người bạn cùng tu khổ hạnh trước đây. Nội dung bài pháp đầu tiên đó chính là bài pháp Tứ Diệu Đế.

II. CHÁNH ĐỀ

1. Định nghĩa

Tứ là bốn; Diệu là hay đẹp, quý báu, hoàn toàn; Đế là sự chắc chắn, rõ ràng đúng đắn nhất. Tứ diệu đế là bốn sự thật chắc chắn, quý báu. Hay còn gọi là Tứ Thánh Đế.

2. Nội dung

Tứ Diệu Đế gồm 4 yếu tố

2.1. Khổ đế

Đức Phật nói đời là khổ là nói đúng như thật bản chất của nó. Khổ là phiền muộn, bất an, trái ngược với hạnh phúc. Khổ gồm có 3 loại (tam khổ): Khổ khổ, hành khổ, hoại khổ; hoặc 8 loại (bát khổ): Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán thù gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ, ngũ ấm xí thành khổ.

2.2. Tập đế

Tập đế là chân lý chắc thật nói về nguyên nhân của khổ, nguyên nhân chính của khổ đau chính là ái dục. Thấy rõ nguyên nhân ấy thì chúng ta nên tu tập để đoạn trừ ái dục. Ái dục chấm dứt thì khổ đau kết thúc.

2.3. Diệt đế

Diệt đế là chân lý chắc thật, trình bày rõ ràng hoàn cảnh quả vị và cảnh giới an lành, tốt đẹp mà chúng sinh sẽ đạt đến khi đã diệt trừ được những nỗi khổ và những nguyên nhân của đau khổ.

2.4. Đạo đế

Đạo đế là con đường, là những phương pháp đúng đắn, chắc thật để diệt trừ đau khổ đau, đưa đến Niết Bàn an vui. Con đường đó, phương pháp đó gồm 37 yếu tố chia làm 7 nhóm gọi là 37 phẩm trợ đạo, gồm: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần và Bát Chánh Đạo. Trong đó Bát Chánh Đạo đóng vai trò chủ yếu và rất quan trọng. Nên nói đến 37 phẩm trợ đạo thì người học Phật liền nghĩ ngay đến Bát Chánh Đạo.

3. Bộ cục và vai trò của Tứ Diệu Đế trong hệ thống giáo lý Phật giáo

3.1. Bộ cục

Giáo lý Tứ Diệu Đế nói riêng hay giáo pháp của Đức Phật nói chung, đã được sắp xếp theo một trình tự khéo léo và thích hợp. Cách sắp xếp này giúp người học dễ chấp nhận, tiếp thu và thực hành một cách có hiệu quả hơn. Với Tứ Đế, Đức Phật sắp xếp quả trước nhân sau theo trình tự thế gian và xuất thế gian: Khổ (quả thế gian), tập (nhân thế gian), diệt (quả xuất thế gian), đạo (nhân xuất thế gian).

3.2. Vai trò của Tứ Diệu Đế trong hệ thống giáo lý Phật giáo

Tứ Diệu Đế đóng vai trò rất quan trọng trong toàn bộ hệ thống giáo lý Phật giáo cả Nam tông lẫn Bắc Tông, phù hợp cho mọi căn cơ và trình độ. Đây là pháp tu nền tảng, nền móng căn bản đầu tiên để tiến lên ngôi vị Thánh quả. Vì thế nói đến Phật giáo thì người ta nghĩ ngay đến Tứ Diệu Đế. Không hiểu biết và thấy rõ Tứ Diệu Đế là người không có Chánh kiến, dễ lạc vào tà kiến mê lầm.

III. KẾT LUẬN

Là Phật tử chân chánh của Đức Phật phải học và thực hành về Tứ Diệu Đế một cách miên mật và rốt ráo. Có như thế chúng ta mới nhận thức khổ là do lòng tham ái, chấp ngã, si mê lầm lạc của chính mình chứ không ai có khả năng làm cho ta khổ đau hay hạnh phúc. Đừng than trời trách đất và oán hận những người xung quanh, mà hãy nỗ lực tinh tấn tu tập, thấy rõ và diệt trừ nguyên nhân khổ đau bằng con đường Bát Chánh Đạo thì chúng ta sẽ xây dựng được một Tịnh Độ trần gian ngay cõi Ta Bà đầy khổ đau và uế trược này.



BÁT CHÁNH ĐẠO

A. DẪN NHẬP

Bát Chánh Đạo là một trong những pháp tu căn bản và quan trọng trong kho tàng kinh điển Phật Giáo. Dù tu pháp môn gì và tông phái nào thì Bát Chánh Đạo cũng không thể thiếu trong việc thực hành giáo Pháp Như Lai.

B. CHÁNH ĐỀ

1. Định nghĩa

Bát là tám, Chánh Đạo là con đường ngay thẳng. Bát Chánh Đạo là tám con đường ngay thẳng, chân chánh, hay còn gọi là tám phương tiện nhiệm mầu có khả năng đưa hành giả đến đời sống an lạc và giải thoát. Cũng có tên là con đường Thánh có tám ngành, hay Bát Thánh Đạo.

2. Nội dung

Tám con đường đó chính là: Chánh kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.

a. Chánh Kiến

Chánh là chơn chánh, ngay thẳng, đúng đắn; Kiến là thấy, sự hiểu biết, nhận thức. Như vậy Chánh Kiến hay còn gọi là Chánh Tri Kiến là thấy, nghe hiểu biết và nhận thức một cách ngay thẳng, chân chánh, đúng như sự thật khách quan của các pháp. Thấy biết và nhận thức rõ Tứ Diệu Đế và Duyên sasa.

b. Chánh Tư Duy

Tư duy là suy nghĩ, nghiệm chứng thuộc về ý thức. Chánh tư duy là suy nghĩ, tư duy đúng với chân lý, tư duy về Chánh Pháp để dần đạt được tam Tuệ là Văn, Tư, Tu.

c. Chánh Ngữ

Ngữ là lời nói; Chánh ngữ là lời nói chân thật, công bằng, ngay thẳng, nói ái ngữ và tránh xa 4 cách nói: Nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác.

d. Chánh nghiệp

Nghiệp là việc làm, tạo tác lâu ngày trở thành thói quen, thói quen ấy gọi là nghiệp. Chánh nghiệp là hành động việc làm chân chánh, đúng với lẽ phải, phù hợp với chân lý, có lợi ích cho mình, cho người và cả loài vật.

e. Chánh Mạng

Mạng là sự sống của con người. Chánh mạng là làm nghề lương thiện, chân chánh để nuôi mạng sống. Đức Phật dạy tránh xa 5 nghề bất thiện: Buôn bán người, buôn bán vũ khí, buôn bán thuốc độc, buôn bán rượu và giết súc vật.

f. Chánh Tinh Tấn

Tinh tấn là siêng năng, chuyên cần. Chánh tinh tấn là siêng năng, chuyên cần làm những điều thiện, và tránh các điều ác, không lùi bước trước các việc khó khăn, để đem lại sự lợi ích cho chính mình và cho nhân sinh xã hội. Thực hiện Tứ Chánh Cần trong 37 phẩm trợ đạo

g. Chánh Niệm

Niệm là ghi nhớ. Chánh niệm là ghi nhớ những điều hay lẽ phải, hợp với chân lý để đem lại sự lợi lạc cho mình và cho người.

Chánh niệm được chia ra làm hai phần:

- **Chánh Ưc Niệm:** Là nghĩ đến những điều lỗi lầm do vô tình hay có ý mà mình đã tạo ra, để thành tâm sám hối, và nghĩ đến những việc thiện đã làm mà duy trì và phát huy. Nhớ nghĩ về Tứ trọng ân: Ân cha mẹ, ân tổ quốc, ân Tam bảo và ân chúng sinh vạn loại...

- **Chánh Quán niệm :** Là dùng tâm từ bi quán xét cuộc đời này chúng sanh còn mãi chìm đắm trong sinh tử luân hồi, còn triền miên trong đau khổ, tật bệnh... mà khởi tâm từ muôn cứu khổ ban vui...

h. Chánh Định

Chánh định là tập trung tư tưởng vào một vấn đề chính đáng, đúng với chân lý một cách miên mật để tâm không tán loạn, vọng tưởng điên đảo. Khi tâm định thì trí huệ phát sanh và ta có thể dùng trí tuệ để quán sát những vấn đề sau đây:

- **Quán Thân Bất Tịnh :** Quán sát thân này là do những vật chất dơ bẩn tạo thành để trừ tâm tham dục...

- **Quán Từ Bi:** Quán tất cả chúng sanh đều là cha mẹ, thân bằng quyến thuộc nhiều đời nhiều kiếp, để dứt trừ tâm sân hận...

- **Quán Nhân Duyên:** Quán các pháp trên thế gian tất cả đều do nhân duyên mà giả thành, không tồn tại thực thể, đủ duyên thì thành, thiếu duyên thì mất... để đoạn trừ tâm ngu si, chấp ngã.

- **Quán Giới Phân Biệt:** Nghĩa là phân biệt và quán tưởng sự giả hợp của 18 giới: 6 căn, 6 trần và 6 thức. Tất cả đều không thật có “Ngã Pháp” để dứt trừ tâm chấp ngã và chấp pháp.

- **Quán Hơi Thở:** Nghĩa là quán tưởng bằng cách chuyên chú đếm hơi thở ra vào, để đối trị sự tán loạn của tâm thức.

C. KẾT LUẬN

Bát Chánh Đạo là tám con đường chân chánh, có khả năng đưa hành giả bước đi vững vàng và chính xác, đúng đắn trên con đường diệt khổ, thăng đến Niết Bàn, giải thoát an vui.

BAN HOẰNG PHÁP TỈNH LONG AN - 2024



BỒN PHẬN NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA

A. TRI D. AN NHẬP

Đệ tử Đức Phật gồm 2 chúng xuất gia và tại gia. Bồn phận và trách nhiệm của chúng xuất gia là tu tập và hoằng truyền Chánh Pháp để duy trì mạng mạch Phật Pháp tại thế gian. Vậy người Phật tử tại gia thì có bồn phận gì chúng ta sẽ cùng nhau phân tích và tìm hiểu

B. CHÁNH ĐỀ

1. Bồn phận đối với Tam Bảo

Vì Tam Bảo có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Nếu không có Đức Phật xuất hiện ở đời, không có giáo pháp của Ngài và những đệ tử xuất gia của Ngài hướng dẫn và chỉ dạy thì chắc chắn chúng ta sẽ lầm đường lạc lối và chìm đắm trong khổ đau không lối thoát. Nhờ Tam Bảo làm nơi nương tựa vững chắc để chúng ta tiến bộ trên con đường chuyển hóa nghiệp lực, đạt được an lạc trong hiện tại và giải thoát trong tương lai. Vì thế ân đức vô cùng to lớn mà chúng ta phải biết ơn và đền ơn đó chính là Tam Bảo. Vậy thì chúng ta phải có bồn phận gì?

- Hộ trì Tam Bảo, giữ vững niềm tin chánh tín đối với Phật, Pháp, Tăng. Phải có chánh kiến để phân biệt đúng sai, không để bị dắt dẫn, lôi kéo theo thầy tà bạn ác. Không gây chia rẽ trong Tăng đoàn, giữ gìn truyền thống Phật giáo mà Đức Phật và chư vị lịch đại Tổ Sư tiền bối đã dày công xây dựng.

- Phát tâm ủng hộ xây dựng các cơ sở thờ tự và tu học của các chùa trong khả năng có thể. Ủng hộ duy trì đời sống về vật chất cho Tăng Ni an tâm tu học.

- Tham gia nhiệt tình các lễ hội và các ngày lễ lớn, các tổ chức thuộc Phật giáo cũng là góp phần gìn giữ và phát huy ngôi nhà Phật Pháp.

2. Bồn phận đối với bản thân

- Quy y Tam Bảo và giữ gìn năm giới trọn vẹn. Đó chính là kiện toàn nhân cách đạo đức, trở thành công dân tốt trong xã hội và người Phật tử chân chính của Phật giáo.

- Tinh tấn hành trì lời Phật dạy, lan tỏa năng lượng thiện lành, chân chánh, thương yêu, tích cực có trí tuệ của mình đến với mọi người. Muốn khuyến hóa người khác tu tập thì bản thân mình phải là tấm gương sáng trong cách hành xử, lời nói và ý nghĩ, mới lan tỏa được năng lượng tích cực tới những người xung

quanh. Có như thế mới khuyến hóa được mọi người tu nhân hành thiện để gặt hái được lợi ích cho bản thân và tha nhân.

3. Bón phận đối với gia đình

- Phật pháp giữa cuộc đời không rời xa thế gian. Vì thế bôn phận người Phật tử không phải chỉ chuyên tu tập mà bỏ bê gia đình, không có trách nhiệm.

- Giữ gìn truyền thống gia đình, phát triển sự nghiệp của cha mẹ, làm rạng danh dòng tộc. Áp dụng pháp Lục hòa trong gia đình là điều không thể thiếu. Phải biết thương yêu, đoàn kết hòa hợp, khiêm cung, nhường nhịn để gia đình trên thuận dưới hòa. Nỗ lực tu tập và khuyến hóa để Phật hóa gia đình ngay hiện tại.

- Trong kinh Thiện Sanh, Đức Phật dạy các bôn phận của con đối với Cha Mẹ, Cha mẹ đối với con, chồng đối với vợ và vợ đối với chồng rất cụ thể và rõ ràng. Phật tử nên học thuộc, nhớ kỹ để áp dụng đúng theo tinh thần Phật dạy.

4. Bón phận đối với Xã hội

- Muốn xây dựng một đất nước văn minh, hưng thịnh, phồn vinh, giàu đẹp, không bị chiến tranh hay giặc cướp phản loạn thì bản thân mỗi người phải kiện toàn bôn phận và trách nhiệm đối với bản thân mình trước. Mỗi cá nhân là mỗi tế bào trong Xã hội. Cá nhân tốt thì xã hội không thể xấu và không văn minh giàu đẹp, bình an và hạnh phúc. Như Nho giáo có câu “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”

- Thể hiện tinh thần “Hộ Quốc an dân” của Đạo Phật. Khi chiến tranh loạn lạc, dịch bệnh tai ương, người Phật tử phải là người tiên phong đóng góp và hỗ trợ về vật chất cũng như tinh thần. Khi thời bình thì nỗ lực tu tập lan tỏa tinh thần Từ Bi và Trí Tuệ của Đạo Phật giúp người được bình an và hạnh phúc.

C. KẾT LUẬN

Trên đây là một số bôn phận căn bản và tiêu biểu, nếu nói rộng ra thì vẫn còn rất nhiều bôn phận và trách nhiệm mà người Phật tử cần phải kiện toàn trên tinh thần “tự lợi, lợi tha”. Tuy nhiên điểm mấu chốt và quan trọng vẫn là nỗ lực tu dưỡng bản thân cho thật tốt và có lợi lạc thì chúng ta đã kiện toàn được những bôn phận còn lại. Bởi vì “Tâm bình thế giới bình, tâm an vạn sự an”.



Ý NGHĨA LỄ VESAK

I. DẪN NHẬP

Lễ hội Vesak là một lễ hội quan trọng nhất của Phật giáo, kỷ niệm 3 sự kiện quan trọng liên quan đến cuộc đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: Đản sinh, thành đạo và nhập Niết Bàn. Ngày nay đã trở thành lễ hội chung cho toàn thế giới được Unesco công nhận là lễ hội Hòa bình.

II. CHÁNH ĐỀ

1. Định nghĩa

Vesak là tên một tháng của Ấn Độ, tương đương tháng 5 dl và tháng tư âm lịch. Theo lịch Ấn Độ cổ, ngày trăng tròn tháng Vesak là ngày sinh của Đức Phật cũng là ngày Đức Phật thành đạo đồng thời là ngày Đức Phật nhập niết bàn. Sự hy hữu đó được các nước theo Phật giáo Nam truyền tổ chức 3 lễ trong 1 ngày nên gọi là Đại lễ Tam hợp (3 trong 1) hay Đại lễ Vesak (chỉ tháng). Tại Việt Nam để tên gọi được phổ cập và dễ hiểu hơn, đã thống nhất tên gọi là Đại Lễ Phật Đản Liên Hợp Quốc.

2. Nguồn gốc, ý nghĩa và lợi ích

a. Nguồn gốc

- Năm 1950, 26 quốc gia trên thế giới đã thống nhất ngày Phật đản quốc tế là ngày Rằm tháng Tư âm lịch.

- Năm 1982, Đại Hội Phật giáo tại Srilanka (Tích Lan), với sự tham dự 34 quốc gia, dưới sự bảo trợ của Tổng Thống Srilanka đương nhiệm, tại Đại Hội này đã soạn thảo một kiến nghị thư với sự đồng thuận 34 quốc gia đồng kí và gửi trình lên Liên Hợp Quốc, xin công nhận Đại lễ Vesak là ngày Lễ Quốc Tế.

- Ngày 15 tháng 12 năm 1999, tại trụ sở chính TP. New York, nước Mỹ, hội đồng Liên hợp quốc đã chính thức công nhận Lễ Vesak là Lễ Hòa Bình, và là ngày Đại Lễ của thế giới và bắt đầu tổ chức lần đầu tiên vào năm 2000 tại New York, nước Mỹ.

Tính đến năm 2019, Đại lễ Vesak được tổ chức 16 lần trên thế giới. Tại Việt Nam đăng cai 3 lần: vào năm 2008, 2014, 2019. Sang năm vào 2025 lại tiếp tục đăng cai lần thứ 4.

b. Ý nghĩa và lợi ích của Đại lễ

- Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc là một ngày lễ hội mang tính văn hóa và nhân văn ở tầm mức Quốc tế được các Tôn giáo trên thế giới công nhận.

- Nghị quyết LHQ khẳng định 3 điều chính:

1. Công nhận Lễ Vesak là ngày Đại lễ của thế giới, là Lễ Hòa bình LHQ
2. Công nhận Lễ Vesak là ngày Lễ thiêng liêng nhất của thế giới
3. Công nhận sự đóng góp của Phật giáo là những đóng góp thiết thực cho thế giới như: Đạo đức, Hòa Bình, Tâm linh, Bình đẳng, bảo vệ môi trường, v.v...

- Đại lễ Vesak được tổ chức luân phiên từ nhiều quốc gia thể hiện tinh thần đoàn kết, hòa hợp, giao lưu văn hóa giữa các nước với nhau. Mở rộng sự ban giao về văn hóa, chính trị và kinh tế.

- Giúp người dân trên đất nước đấng cai và thế giới biết được giá trị đích thực và to lớn của Phật giáo đến xã hội, đất nước và hòa bình thế giới

- Giúp những người về tham dự lễ sẽ biết được văn hóa, kinh tế.... của đất nước đấng cai.

- Trong những ngày diễn ra lễ hội là cơ hội cho Phật tử trở về tụng kinh, nghe Pháp, cúng dường, bố thí... làm tất cả công đức và phước đức để tự hoàn thiện bản thân và dâng lên cúng dường Đức Từ Phụ, cũng như thể hiện tinh thần Từ Bi của người con Phật để sẻ chia và giúp đỡ những người kém may mắn trong cuộc đời, tạo cơ hội để họ được ấm lòng và kết duyên với Tam Bảo.

4. Tinh thần của Tăng Ni Phật tử cần chuẩn bị cho Lễ hội Vesak 2025 (tại Việt Nam)

- Lễ hội diễn ra chắc chắn sẽ có nhiều thách thức cả nội lẫn ngoại duyên. Vì vậy người Phật tử phải giữ vững niềm tin, kiên định trong nhận thức, sẵn sàng bảo vệ Phật Pháp nói chung và Đại lễ nói riêng.

- Phát tâm, phát nguyện tham gia và hỗ trợ lễ hội tùy theo khả năng và hoàn cảnh của mình.

- Nếu có tham gia hỗ trợ, thái độ thân thiện, cởi mở với du khách và tín đồ Phật giáo quốc tế.

- Góp phần lan tỏa thông điệp hòa bình và yêu thương thông qua các hoạt động thiện nguyện, từ thiện.

- Giới thiệu các giá trị văn hóa, nghệ thuật đặc sắc của Phật giáo Việt Nam.

- Quảng bá hình ảnh Phật giáo Việt Nam ra thế giới.

- Tạo điều kiện cho Tăng Ni Phật tử giao lưu, học hỏi và nâng cao nhận thức về giáo lý Phật giáo.

III. KẾT LUẬN

Lễ hội Vesak không chỉ là dịp kỷ niệm những sự kiện quan trọng trong cuộc đời Đức Phật mà còn mang nhiều ý nghĩa sâu sắc về tâm linh, xã hội và giáo dục. Là người Phật tử Việt Nam chúng ta rất tự hào và hạnh phúc khi nước Việt Nam đã được đăng cai 3 lần. Mỗi lần đăng cai thì số lượng đại biểu và quốc gia trên thế giới cũng như trong nước tham dự ngày mỗi đông. Đó là dấu hiệu đáng mừng và đáng trân trọng để chúng ta có thêm niềm tin và động lực vào Đức Phật, vào giáo lý của Ngài để việc tu tập của chúng ta gặt hái nhiều kết quả hơn.

BAN HOẰNG PHÁP TỈNH LONG AN - 2024



LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

(Từ Đản sanh đến xuất gia)

I. DẪN NHẬP

Người dân Ấn Độ từ khởi nguyên cho đến thế kỷ thứ 6, cuộc sống vùi lấp trong vô minh đen tối, với rất nhiều luận thuyết cực đoan đưa con người vào tận cùng của bế tắc và đau khổ. Sự xuất hiện của Đức Phật như một vầng nhật nguyệt chiếu soi, xóa tan hết mọi vô minh hắc ám, giúp con người nhận diện được giá trị đích thực của chính mình, đạt được an lạc ngay trong phút giây hiện tại.

II. CHÁNH ĐỀ:

1. Sự kiện Đản sanh

- Vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Da, trị vì nước Ca Tỳ La Vệ, xứ Trung Ấn Độ, đã lớn tuổi mà vẫn chưa có con. Một lần nọ, sau lễ phát chẩn ở ngoại môn trở về cung, Hoàng hậu nằm ngủ mơ thấy voi trắng 6 ngà từ trên không trung xuống khai hông hữu. Từ đó Bà thụ thai. Các nhà chiêm tinh đoán mộng Bà sẽ sanh được một vị Thái tử tài đức song toàn.

- Đến ngày sắp hạ sanh, Hoàng hậu trở về quê Mẹ, trên đường đi ghé vào nghỉ ngơi tại vườn Lâm Tỳ Ni. Thấy hoa Vô Ưu nở rộ và thơm ngát lạ thường, Hoàng hậu với tay phải định hái hoa thì Thái Tử hạ sanh. Hôm đó là ngày 15/4/al, năm 624 trước Công nguyên.

- Vừa mới hạ sanh, Thái Tử đã bước đi 7 bước trên hoa sen, tay chỉ trời tay chỉ đất và tuyên ngôn: “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”. Chư Thiên trời nhạc vui mừng và rải hoa cúng dường, 9 rồng phun nước vừa nóng vừa lạnh để tắm cho Thái Tử.

2. Trước khi xuất gia

- Thuở nhỏ Thái tử là một người thông minh tài trí xuất chúng và có lòng từ bi hơn người. Nhà vua lo sợ Thái tử sẽ đi tu như lời tiên đoán của Đạo sĩ A Tu Đà nên đã cho xây 3 cung điện nguy nga ứng với từng mùa, cưới công chúa Da Du Đà La, một tuyệt sắc giai nhân và hứa truyền ngôi sớm cho Thái tử để buộc chân Thái tử từ bỏ chí xuất gia. Tuy vậy vẫn không dễ dàng gì khi mỗi ngày lớn lên Thái Tử càng ưu tư về nỗi khổ đau nhân thế.

- Một lần nọ, sau khi dạo bốn cửa thành, Thái tử chứng kiến cảnh sanh già bệnh chết và được nhìn thấy một tu sĩ tướng mạo trang nghiêm với hạnh nguyện độ sanh, giải thoát cho đời. Đúng với những gì lâu nay trần trở, Thái tử đã quyết tâm nối gót vị Tu sĩ ấy, quyết xuất gia tìm đạo. Về xin Vua Cha nhưng Vua một

mục không đồng ý. Thái tử thưa rằng nếu Cha đáp ứng được 4 yêu cầu này thì Thái Tử sẽ ở lại nối ngôi và từ bỏ ý định xuất gia:

- Làm Sao cho con trẻ mãi không già
- Làm sao cho con mạnh khoẻ không đau
- Làm sao cho con sống khoẻ không chết
- Và làm sao cho chúng sanh hết khổ

3. Giai đoạn xuất gia tầm sư học đạo

- Vua Tịnh Phạn dù giàu có và đầy quyền lực, vẫn không thể nào thực hiện được lời cầu xin của Thái tử. Đêm Mùng 8 tháng 2 al, khi ấy Thái tử tròn

19 tuổi, Ngài đã vượt thành Đông cùng với người hầu cận tên Sa nặc và ngựa Kiền Trắc vượt rừng tìm chân lý.

- Trải qua 5 năm tầm sư học đạo, Sa Môn Gotama tìm đến 2 Vị Thầy là Alala Kalama và Uất Đà Lam Phát. Sau khi học tập và chứng đắc ngang bằng với Thầy mình, Ngài nhận ra rằng phương pháp tu hành của các vị đó đều không thể đưa đến giải thoát tối hậu.

- Ngài đến Khổ Hạnh Lâm, nơi có 5 người đang tu khổ hạnh. Cùng tu chung suốt 6 năm tu tập ép xác, cho đến khi sức cùng lực kiệt, gần kề cái chết, nhưng vẫn không tìm ra con đường thoát khổ. Ngài quyết từ giã lối tu khổ hạnh và ra đi.

- Sau khi nhận bát cháo sữa cúng dường của thôn nữ Sujata, Ngài vượt sông Ni Liên Thiên, đến xứ Ma Kiệt Đà ngồi nhập định dưới gốc cây Tất Bát la và thề rằng “Nếu Ta không thành đạo thì dù thịt nát xương tan, ta cũng quyết không rời khỏi chỗ này”. Sau 49 ngày đêm thiền định. Sáng mùng 8/12/al khi sao mai vừa ló dạng, Ngài chứng Tam Minh và chứng đắc quả vị Vô Thượng Bồ Đề, năm đó, Ngài vừa tròn 30 tuổi

III. KẾT LUẬN

Sự kiện Đản sanh của Đức Phật là một sự kiện độc nhất vô nhị của nhân loại từ trước đến nay. Ngài xuất hiện như một vì sao sáng xóa tan hết bao bóng đêm u tối khổ đau. Sự kiện xuất gia cũng là một sự từ bỏ vĩ đại, thể hiện đức tính Đại hùng, Đại Lực, Đại bi, Đại xả, mà chưa một ai có thể làm được. Hy sinh hạnh phúc tự thân để đem lại hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Ngày nay cả thế giới đồng quy kính và đánh lễ, tôn xưng Ngài là bậc Vĩ nhân của nhân loại.



LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

(Từ Thành đạo đến Niết Bàn)

A. DẪN NHẬP

Theo Phật giáo Bắc Tông, sau khi thành đạo dưới cội Bồ Đề, Đức Phật trải qua 49 năm hoằng hóa độ sanh. Đây là khoảng thời gian Ngài đi du hóa khắp xứ Ấn Độ và đã độ rất nhiều người thuộc bốn giai cấp trong xã hội chứng quả giải thoát. Vì vậy cuộc đời của Ngài là một bài học sống động và tấm gương sáng về tinh thần Từ Bi và bình đẳng, là bậc vĩ nhân của nhân loại về hòa bình được thế giới công nhận.

B. CHÁNH ĐỀ

1. Thành đạo (8/12AL):

- Sau khi thành đạo, chứng quả giải thoát dưới cội Bồ Đề, Đức Phật đã trải qua 7 tuần lễ ngồi chiêm nghiệm lại giáo pháp vừa mới chứng ngộ và cảm nhận hương vị giải thoát. Nhận lời thỉnh cầu của Trời Đế Thích, Đức Phật bắt đầu con đường hoằng hóa độ sanh.

2. Giáo hóa độ sanh:

- Sơ chuyên Pháp luân: Đến vườn Lộc Uyển độ 5 anh em ngài Kiều Trần Như bằng pháp Tứ Đế, cả 5 vị đắc A-la-hán và xuất gia làm Tỳ-kheo, từ đây, Tam Bảo được thành hình.

- Độ ông Da xá cùng 50 người bạn xuất gia, độ cha mẹ Da xá làm Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đầu tiên.

- Trên đường, độ 30 thanh niên nhạc sĩ.

- Đến Ưu-lâu-tần-loa độ ba anh em Ca-diếp chuyên thờ lửa với bài kinh Lửa. Ba anh em Ca-diếp cùng 1000 đồ chúng xuất gia theo Phật.

- Đến thành Vương Xá, độ ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên cùng 200 đồ chúng. Hai Ngài sau khi chứng A-la-hán, được Phật phong làm hai đệ tử thượng thủ, thay Phật quản lý Tăng đoàn.

- Đến xứ Ma-kiệt-đà giáo hóa vua Tần-bà-sa-la đắc Sơ quả. Vua cúng dường Tịnh xá Trúc Lâm, và đó là Tịnh xá đầu tiên của Tăng đoàn.

- Về Ca-tỳ-la-vệ ba lần, độ vua cha Tịnh Phạn đắc Thánh quả A-la-hán và Niết-bàn.

- Độ thân quyến xuất gia và chứng đạo rất đông: như tôn giả A-nan, A-na-luật, La-hầu-la, Kim-tỳ-la, Nan-đà v.v...

- Đến Xá-vệ, qua lời thỉnh cầu của tôn giả A-nan và lòng tha thiết cầu đạo của Di mẫu, Đức Phật cho phép thành lập Giáo đoàn Ni, từ đó, nữ giới được xuất gia và đắc Thánh quả rất nhiều.

- Cư sĩ cũng được hóa độ rất nhiều, trải khắp cả các nước Ấn độ và thông cả 4 giai cấp, như vua Tần-bà-sa-la, vua Ba-tư-nặc, vua A-xà-thế, thái tử Kỳ-đà,

trưởng giả Cấp-cô-độc, tín nữ Tỳ-xá-khur, thợ rèn Thuần-đà, dâm nữ Ma-đăng-già v.v...

- Đức Phật bình đẳng trong tình thương và trí tuệ trong phương tiện, độ khắp các giai cấp từ tôn quý như vua chúa, đến bần hàn như người gánh phân, từ thượng lưu trí thức như tôn giả Xá-lợi-phất... đến kẻ ít học như Ưu-ba-ly..., từ người thiện lương như tôn giả Kiều Trần Như... đến kẻ giết người không góm tay như Ương-quật-ma-la..., đều được Phật bi mẫn hóa độ với nhiều phương tiện khéo léo, trí tuệ.

- Năm thời thuyết pháp: Hoa Nghiêm 21 ngày; A Hàm 12 năm; Phương Đẳng 8 năm; Bát Nhã 22 năm; Pháp Hoa và Niết Bàn 8 năm.

3. Nhập Niết bàn

- Năm 80 tuổi, khi thân tứ đại theo định luật vô thường đã mỗi mòn, già yếu, hạnh nguyện độ sanh cũng đã hoàn mãn, Đức Phật quyết định nhập Niết Bàn.

-Sau khi nhận lời thỉnh mời của cư sĩ Thuần Đà, Đức Phật đến xứ Câu-thi-na, rừng Mạt-la, dưới cội Sa-la Song thọ, nằm thế kiết tường và nhập Niết-bàn vào ngày 15/2 ÂL

- Độ tôn giả Tu-bạt-đà-la xuất gia và chứng A-la-hán, đó là đệ tử cuối cùng của Phật.

- Thuyết kinh Di giáo, dạy bảo căn kẽ những điều mà một Tỳ-kheo phải thực hành đầy đủ.

- Và dặn dò như sau:

- Y, bát phó chúc cho Trưởng lão Đại Ca-diếp.
- Các đệ tử phải lấy giới luật làm thầy. Hãy nương tựa vào chính mình không nương tựa người khác, hãy tự mình thấp được lên mà đi.
- Nhục thân hỏa táng như nghi lễ của Chuyển Luân Thánh Vương, và xây Tháp thờ.
- Xá lợi của Ngài sẽ chia làm ba phần:
 - Một phần cho Thiên cung,
 - Một phần cho Long cung,
 - Một phần chia cho 8 vị Quốc vương ở Ấn Độ

C. KẾT LUẬN

- Đức Phật tuy đã nhập Niết Bàn cách đây hơn 2000 năm, nhưng những lời dạy của Ngài vẫn còn sống động và giá trị đối với nhân loại. Ngài đã để lại tài sản vô giá, những bài học từ chính cuộc đời Ngài và những lời Ngài dạy được ghi lại trong Tam tạng giáo điển. Là đệ tử Phật, chúng ta nguyện học theo hạnh nguyện, Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ BI của Ngài để nỗ lực tu tập đem lại hạnh phúc và lợi ích cho bản thân và tha nhân.